

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán nguồn thu thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp với số tiền 934.764,541 triệu đồng vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 được giao tại Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 sau khi điều chỉnh, bổ sung, với các nội dung chủ yếu sau:

- | | |
|---|------------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước | : 12.202.064,541 triệu đồng. |
| Trong đó: Thu từ nội địa | : 11.134.764,541 triệu đồng. |
| - Thu thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp | : 934.764,541 triệu đồng. |
| 2. Tổng chi ngân sách địa phương | : 17.138.728,541 triệu đồng. |
| Trong đó: Chi đầu tư phát triển | : 5.752.624,541 triệu đồng. |

(Chi tiết theo phụ lục số 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Các nội dung khác tại Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / B

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LD và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P. KSTTHC, K17. juan

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)



Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022 đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)	Dự toán năm 2022 sau điều chỉnh
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	11.267.300,000	934.764,541	12.202.064,541
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	10.200.000,000	934.764,541	11.134.764,541
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	905.000,000		905.000,000
3	Thu vay bù đắp bội chi	162.300,000		162.300,000
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.235.664,000	934.764,541	17.170.428,541
I	Các khoản thu cân đối NSDP	9.552.600,000	934.764,541	10.487.364,541
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.410.500,000	934.764,541	6.345.264,541
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.012.100,000		4.012.100,000
3	Thu xổ số kiến thiết	130.000,000		130.000,000
II	Thu vay bù đắp bội chi	162.300,000		162.300,000
III	Thu chuyên nguồn	120.335,000		120.335,000
IV	Ngân sách Trung ương bổ sung	6.400.429,000		6.400.429,000
1	Bổ sung cân đối ổn định	3.519.466,000		3.519.466,000
2	Bổ sung có mục tiêu	2.880.963,000		2.880.963,000
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.203.964,002	934.764,541	17.138.728,543
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	13.069.748,002	934.764,541	14.004.512,543
1	Chi đầu tư phát triển	4.817.860,000	934.764,541	5.752.624,541
2	Chi thường xuyên	7.981.949,002		7.981.949,002
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	7.138,000		7.138,000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.360,000		1.360,000
5	Dự phòng ngân sách	261.441,000		261.441,000
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu	3.134.216,000		3.134.216,000
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-
2	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	3.134.216,000		3.134.216,000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)



Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	Dự toán năm 2022 đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021		Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)		Dự toán năm 2022 sau điều chỉnh	
	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương
A - TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I-III)	11.267.300,000	9.714.900,000	934.764,541	934.764,541	12.202.064,541	10.649.664,541
I. THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	905.000,000	-			905.000,000	
1. Thuế xuất, nhập khẩu, TTĐB và BVMT hàng hóa NK	165.000,000	-			165.000,000	
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	740.000,000	-			740.000,000	
II. THU NỘI ĐỊA	10.200.000,000	9.552.600,000	934.764,541	934.764,541	11.134.764,541	10.487.364,541
Trong đó:						
16. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại	20.000,000	20.000,000	934.764,541	934.764,541	954.764,541	954.764,541
- Thu NSTW hưởng 100%	-	-			-	-
- Thu địa phương hưởng 100%	20.000,000	20.000,000	934.764,541	934.764,541	954.764,541	954.764,541
III. THU VAY BÙ ĐÁP BỘI CHI	162.300,000	162.300,000			162.300,000	162.300,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2022 đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021			Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)			Dự toán năm 2022 sau điều chỉnh		
	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I->VI)	16.203.964,002	8.528.454,000	7.675.510,000	934.764,541	934.764,541		17.138.728,541	9.463.218,541	7.675.510,000
I. Chi đầu tư phát triển:	4.817.860,000	2.264.110,000	2.553.750,000	934.764,541	934.764,541		5.752.624,541	3.198.874,541	2.553.750,000
1. Chi đầu tư xây dựng từ nguồn vốn trong nước	557.260,000	403.510,000	153.750,000				557.260,000	403.510,000	153.750,000
2. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.968.300,000	1.568.300,000	2.400.000,000				3.968.300,000	1.568.300,000	2.400.000,000
3. Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	130.000,000	130.000,000	-				130.000,000	130.000,000	-
4. Chi từ nguồn thu vay để bù đắp bội chi	162.300,000	162.300,000	-				162.300,000	162.300,000	-
5. Chi từ nguồn thu thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp				934.764,541	934.764,541		934.764,541	934.764,541	
II. Chi thường xuyên:	7.981.949,002	3.316.946,002	4.665.003,000				7.981.949,002	3.316.946,000	4.665.003,000
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.360,000	1.360,000	-				1.360,000	1.360,000	-
IV. Dự phòng	261.441,000	114.118,000	147.323,000				261.441,000	114.118,000	147.323,000
V. Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	7.138,000	7.138,000	-				7.138,000	7.138,000	-
VI. Chi theo mục tiêu	3.134.216,000	2.824.782,000	309.434,000				3.134.216,000	2.824.782,000	309.434,000
1. Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-				-	-	-
2. Chi theo chương trình mục tiêu, nhiệm vụ và thực hiện các chế độ, chính sách	3.134.216,000	2.824.782,000	309.434,000				3.134.216,000	2.824.782,000	309.434,000

